

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 -2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Phú
2. Ông Trần Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 754/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ph Th C, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú: Số 2, khu phố B, phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 2, khu phố H, phường Nh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ng V N, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú: Số 2, khu phố B, phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ph Th C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph Th C và ông Ng V N tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyền số 01 ngày 08 tháng 3 năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên bà C đã bỏ về quê sinh sống. Khoảng 07 năm sau, bà C quay về sống với ông N để mong hàn gắn lại tình cảm gia đình. Tuy

nhiên, đến năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn, tình cảm ngày càng phai nhạt nên bà C và ông N lại tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Tháng 3 năm 2017 bà C nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông N tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, sau đó bà rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không thành. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ng Th V, sinh ngày 01 tháng 07 năm 1986 và Ng V, sinh ngày 27/02/1994 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ng V N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông N không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Ph Th C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Ng V N.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C khởi kiện ông N yêu cầu ly hôn, ông N hiện đang thường trú tại số 2, khu phố B, phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ng V N theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông N không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông N trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph Th C và ông Ng V N tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyền số 01 ngày 08 tháng 3 năm 2001, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà C xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng do tính tình của bà và ông N không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân hơn 07 năm nay nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà C và ông N đã sống ly thân một thời gian dài và nhiều lần nộp đơn tại Tòa án yêu cầu được ly hôn, đồng thời tại phiên tòa hôm nay bà C xác định bà không còn tình cảm với ông N nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C về việc ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ng Th V, sinh ngày 01 tháng 07 năm 1986; Ng V, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1994 đều đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph Th C với bị đơn ông Ng V N về tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph Th C được ly hôn với ông Ng V N.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ph Th C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số

0015529 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND phường Th, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Bạch Tuyết